

Số: 267/2022/QĐST - DS

C, ngày 13 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 382/2022/TLST - DS, ngày 25 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1969

Bị đơn: 1/Ông Trần Minh K, sinh năm 1967

2/Bà Bùi Thị B, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp H A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải trả: Ông Trần Minh K, bà Bùi Thị B với bà Nguyễn Thị Kim D tự nguyện thỏa thuận là ông K và bà B có nghĩa vụ trả cho bà Kim D số tiền mua thức ăn còn nợ là 109.823.000đồng (*Một trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Kim D thống nhất nhận số tiền này, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- Về thời gian trả: Ông Trần Minh K với bà Nguyễn Thị Kim D tự nguyện thỏa thuận thời gian ông K và bà B trả số tiền 109.823.000đồng (*Một trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng*) cho bà D do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

- **Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:** Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Là 2.745.500đồng (*Hai triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng*). Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Trần Minh K, bà Bùi Thị B tự nguyện mỗi bên chịu phân nửa án phí với số tiền là 1.372.700đồng (*Một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm đồng*).

Bà Nguyễn Thị Kim D thuộc diện gia đình chính sách (con liệt sĩ) nên được miễn toàn bộ tiền án phí, do đó bà D không phải nộp.

Ông Trần Minh K và bà Bùi Thị B không thuộc diện được miễn án phí nên ông K và bà B có nghĩa vụ nộp số tiền nêu trên trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh